

Số: 01/2026/QĐST-LĐ

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
V/v Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NGÃI**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Thị Minh Thuận.

***Thư ký phiên họp:*** Ông Nguyễn Thành Duy.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi tham gia phiên họp:*** Bà Huỳnh Thị Triều – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2026/TLST-LĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”. Theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2026/QĐST-LĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Trần Thị T1, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

- Công ty cổ phần V. Địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà P, số 02 đường 30 tháng 4, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Nhà máy M, chi nhánh Công ty cổ phần V. Địa chỉ: Lô L, phân khu Công nghiệp S-D, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

- Bảo hiểm xã hội tỉnh Q. Địa chỉ: Số H C, phường C, tỉnh Quảng Ngãi. (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Bảo hiểm xã hội thành phố H. Địa chỉ: Số E N, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 26/3/2026, bản tự khai và tại phiên họp chị Nguyễn Thị T – người yêu cầu trình bày:*

Do nhu cầu công việc, chị có đến cơ quan Bảo hiểm xã hội để liên hệ điều chỉnh thông tin. Sau đó, chị được cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Q thông báo, chị có quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 3/2013 đến tháng 02/2016 bị trùng.

Trong thời gian từ tháng 3/2013 đến tháng 02/2016 chị có làm việc tại Công ty TNHH N và được Công ty này đóng Bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm 7911488982 tại Bảo hiểm xã hội TP .. Trong thời gian từ tháng 3/2013 đến tháng 02/2016, chị không có làm việc, ký kết hợp đồng nào với Nhà máy M, chi nhánh Công ty cổ phần V và được công ty này đóng bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi với mã số 5113005068. Sau này, chị mới biết em gái chị là Trần Thị T1 (bà con cô cậu ruột) đã mượn chứng minh nhân dân của chị giao kết hợp đồng lao động với Nhà máy M và được đóng bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Q với mã số 5113005068 đứng tên Nguyễn Thị T.

Nay, để đảm bảo quyền lợi bảo hiểm của mình, chị yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Nguyễn Thị T với Nhà máy M, Chi nhánh Công ty cổ phần V (do chị Trần Thị T1 mượn thông tin cá nhân), theo sổ bảo hiểm xã hội số 5113005068 bị vô hiệu toàn bộ. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

*Tại bản tự khai ngày 26/3/2026 và tại phiên họp chị Trần Thị T1 – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Chị và chị Nguyễn Thị T là bà con cô cậu nên chị có mượn chứng minh nhân dân của chị T để làm hồ sơ xin việc tại Nhà máy M, chi nhánh Công ty cổ phần V. Trong thời gian từ tháng 3/2013 đến tháng 02/2016, chị giao kết hợp đồng và có làm việc với Nhà máy M, chi nhánh Công ty cổ phần V và được đóng bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Q với mã số 5113005068

Nay chị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Nguyễn Thị T với Nhà máy M, Chi nhánh Công ty cổ phần V (do chị Trần Thị T1 mượn thông tin cá nhân chị Nguyễn Thị T), theo sổ bảo hiểm xã hội số 5113005068 bị vô hiệu toàn bộ và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, chị đồng ý.

*Tại văn bản số 664/BHXXH-KT ngày 02/4/2026 Bảo hiểm xã hội tỉnh Q có ý kiến như sau:*

Chị Nguyễn Thị T có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 3/2013 đến tháng 02/2016 do Nhà máy M, chi nhánh Công ty cổ phần V đóng bảo hiểm xã hội với mã số 5113005068. Ngoài ra, Bảo hiểm xã hội tỉnh Q đề nghị vắng mặt tại phiên họp.

*Tại văn bản số 2181/BHXXH-VP ngày 03/4/2026 Bảo hiểm xã hội thành phố H có ý kiến như sau:*

Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, Bảo hiểm xã hội Thành phố H không có yêu cầu gì và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Bảo hiểm xã hội thành phố H đề nghị vắng mặt tại phiên họp.

*Tại phiên họp đại diện Nhà máy M, chi nhánh Công ty cổ phần V trình bày:*

Trong thời gian từ tháng 3/2013 đến tháng 02/2016, Nhà máy M, chi nhánh Công ty cổ phần V có ký kết hợp đồng lao động với chị Nguyễn Thị T nhưng không biết là do chị Trần Thị T1 mượn thông tin cá nhân và đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi với mã số 5113005068.

Nay chị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Nguyễn Thị T với Nhà máy M, Chi nhánh Công ty cổ phần V (do chị Trần Thị T1 mượn thông tin cá nhân chị Nguyễn Thị T), theo sổ bảo hiểm xã hội số 5113005068 bị vô hiệu toàn bộ và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 9, 26, 30 của Bộ luật lao động 1994; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của chị Nguyễn Thị T. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị T với Nhà máy M, Chi nhánh Công ty cổ phần V (do chị Trần Thị T1 mượn thông tin cá nhân chị Nguyễn Thị T), theo sổ bảo hiểm xã hội số 5113005068 bị vô hiệu toàn bộ. Chị T không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không xem xét. Áp dụng Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH chị T phải chịu 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị T với Nhà máy M, Chi nhánh Công ty cổ phần V (do chị Trần Thị T1 mượn thông tin cá nhân chị Nguyễn Thị Thu), theo sổ bảo hiểm xã hội số 5113005068 bị vô hiệu toàn bộ. Hợp đồng được giao kết, thực hiện tại xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 33, Điều 35, khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi, Bảo hiểm xã hội Thành phố H có đơn đề nghị

vắng mặt tại phiên họp. Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của người yêu cầu:

Chị Nguyễn Thị T trình bày trong khoảng thời gian từ tháng 3/2013 đến tháng 02/2016 chị có làm việc tại Công ty TNHH N và được Công ty này đóng Bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm 7911488982 tại Bảo hiểm xã hội TP . và chị khẳng định trong thời gian từ tháng 3/2013 đến tháng 02/2016, chị không có làm việc, ký kết hợp đồng nào với Nhà máy M, chi nhánh Công ty cổ phần V. Người ký kết hợp đồng và làm việc tại Nhà máy M, chi nhánh Công ty cổ phần V là chị Trần Thị T1, chị T1 đã mượn chứng minh nhân dân của chị để giao kết, thực hiện hợp đồng và được Nhà máy M, chi nhánh Công ty cổ phần V đóng bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi với mã số 5113005068.

Lời trình bày của chị Nguyễn Thị T phù hợp với lời trình bày của chị Trần Thị T1 và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ.

Theo sổ Bảo hiểm xã hội số 7911488982 được Bảo hiểm xã hội TP . xác nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2013 đến tháng 02/2016 chị T có làm việc tại Công ty TNHH N và được Công ty này đóng Bảo hiểm xã hội.

Ngày 02/4/2026 Bảo hiểm xã hội tỉnh Q cũng có văn bản trả lời Tòa án xác định: Chị Nguyễn Thị T có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 3/2013 đến tháng 02/2016 do Nhà máy M, chi nhánh Công ty cổ phần V đóng bảo hiểm xã hội với mã số 5113005068

Như vậy, có cơ sở để khẳng định chủ thể giao kết hợp đồng lao động với Nhà máy M, chi nhánh Công ty cổ phần V không phải chị Nguyễn Thị T.

Theo quy định tại các Điều 9, 26, 30 của Bộ luật Lao động 1994 việc giao kết, thực hiện hợp đồng là vi phạm quy định tự nguyện, bình đẳng, trung thực, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau trong giao kết hợp đồng lao động và hợp đồng lao động phải được ký kết trực tiếp giữa người lao động và người sử dụng lao động. Điều này cũng phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động năm 2012, cụ thể: Tại khoản 1 Điều 17 quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực”. Về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012 quy định: “Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn...”. Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012 “Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền”.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Nguyễn Thị T với Nhà máy M, Chi nhánh Công ty cổ phần V (do chị Trần Thị T1 mượn thông tin cá

nhân chị Nguyễn Thị T), theo sổ bảo hiểm xã hội số 5113005068 bị vô hiệu toàn bộ

[2.3] Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên Tòa án không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 33, 35, 39, 146, 149, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 26, 30 của Bộ luật lao động 1994;

Căn cứ khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, các Điều 50, 51 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của chị Nguyễn Thị T.

**1.** Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị T với Nhà máy M, Chi nhánh Công ty cổ phần V (do chị Trần Thị T1 mượn thông tin cá nhân của chị Nguyễn Thị T), theo sổ bảo hiểm xã hội số 5113005068 bị vô hiệu toàn bộ.

**2.** Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001236 ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

**3.** Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp thì thời hạn kháng cáo là 10 ngày được tính từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Nơi nhận :***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THA DS khu vực 2-Quảng Ngãi
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Trương Thị Minh Thuận**